

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/DS-PT

Ngày: 11-3-2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

và tuyên bố di chúc vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Phạm Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và tuyên bố di chúc vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2024/QĐ-PT, ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-PT ngày 27-02-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Phúc H, sinh năm 1952; cư trú tại: Số B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Số D, ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Phan Văn V, sinh năm 1957; cư trú tại: D khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H1, sinh năm 1965; cư trú tại: Số B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Tổ H, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh

Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đàm Trọng H2, sinh năm 1987; chị Trần Thị Tuyết V1, sinh năm 1987 và cháu Đàm Trần Gia T, sinh ngày 09-5-2006; cư trú tại: Số B (nay là K), khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Anh Đàm Trọng H2, sinh năm 1987 và chị Trần Thị Tuyết V1, sinh năm 1987; cư trú tại: Số B (nay là K), khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Phòng Công chứng số 2 tỉnh T; địa chỉ: Quốc lộ B, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng N - Chức vụ: Trưởng phòng; có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lâm Thị Phúc H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2022 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Phan Văn V trình bày: Cha mẹ của bà Lâm Thị Phúc H là cụ Lâm Quang V2, chết năm 2003 và cụ Trần Thị Đ, chết năm 2022. Hai cụ chung sống sinh được bà Lâm Thị Phúc H, sau đó cụ V2 đi tập kết ra Bắc nên giữa hai cụ không còn liên lạc với nhau. Cụ Đ có người chồng thứ hai và đã ly hôn sau khi sinh bà Trần Thị H1. Từ năm 13 tuổi, bà H đã phải lao động phụ giúp mẹ lo cho gia đình để nuôi em, gìn giữ gìn tài sản chung của cụ V2, cụ Đ. Ngày 20-3-2018, cụ Đ lập di chúc để lại toàn bộ nhà, đất cho cháu cố tên Đàm Trần Gia T, bà H không đồng ý nên quan hệ gia đình trở nên mâu thuẫn, cụ Đ suia đuổi bà H và con bà H tên Lâm Thị G đi khỏi nhà, nên bà H phải thuê nhà trọ sinh sống từ năm 2020 cho đến nay.

Bà H yêu cầu tuyên bố Di chúc ngày 20-3-2018 vô hiệu, vì di chúc đã vi phạm về quyền thừa kế phần di sản của cụ V2 trong khối tài sản chung với cụ Đ mà bà H là người thừa kế của cụ V2. Bà H yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 324,4 m², thửa số 261, tờ bản đồ số 26, tọa lạc khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn bà Trần Thị H1 trình bày: Mẹ ruột bà tên Trần Thị Đ, sinh năm 1930, chết ngày 08-11-2022; mẹ của bà có hai người chồng, người thứ nhất là ông Lâm Quang V2 (chết), người thứ hai là cha ruột của bà tên Nguyễn Văn C (không biết ở đâu, còn sống hay đã chết). Cụ Đ, cụ V2 thương nhau ở chiến khu B và được lãnh đạo Trung đoàn 311 tổ chức lễ tuyên bố cho hai người năm 1950; năm 1951 cụ Đ mang thai nên được đơn vị cho về địa phương và sinh bà H năm 1952; cụ V2 vẫn ở lại chiến khu B, năm 1954 tập kết ra B, sau đó mất liên lạc.

Năm 1954, cụ Đ đưa bà H đến S sinh sống, trong thời gian ở S, năm 1963 cụ Đ chung với cha bà tên Nguyễn Văn C và sinh ra bà năm 1965. Năm 1968, cụ Đ biết cụ C đã có gia đình nên cắt đứt quan hệ và về quê ngoại Gò Dầu sinh sống.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà ngoại bà là kỵ Trần Thị T1 tặng cho mẹ bà năm 1968, sau khi được tặng cho đất, cụ Đ cất nhà sinh sống nuôi chị em bà và chăm sóc kỵ Thiêm, năm 1990 kỵ Thiêm chết. Đối với căn nhà xây, ngày 04-11-1986, cụ Đ được cấp GCN QSHN ở diện tích xây dựng 24 m²; ngày 19-10-2004, cụ Đ được cấp GCN QSDĐ thửa số 261, tờ bản đồ số 26, diện tích 324,40 m², tọa lạc tại K, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là kp2/60, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh). Trước khi được tặng cho đất, giữa cụ Đ với cụ V2, cụ C không còn chung sống với nhau, do đó diện tích 324,4 m² là tài sản riêng của cụ Đ.

Năm 1992, bà có chồng và xin đất cất nhà ở, cụ Đ dỡ nhà cũ và xây căn nhà mới cùng với nhà của bà, hai nhà sử dụng chung một phòng khách; chi phí xây nhà của ai người đó bỏ tiền ra. Bà H sống cùng nhà với cụ Đ; sau khi chị G (con bà H) có chồng thuê nhà ra ở riêng được vài năm, thì bà H cũng đi ra ngoài thuê nhà ở; bà và cụ Đ không chửi mắng, xua đuổi bà H như trình bày.

Ngày 20-3-2018, cụ Đ lập Di chúc để lại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 26, diện tích 324,40 m² cùng căn nhà trên đất cho cháu nội bà tên Đàm Trần Gia T. Diện tích đất tranh chấp cụ Đ vẫn đang đứng tên GCN QĐĐ, vợ chồng anh H2 và cháu T đang sinh sống trên nhà, đất này. Bà không đồng ý khởi kiện của bà H yêu cầu chia thừa kế diện tích 324,4 m², tài sản trên đất và tuyên bố Di chúc vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đàm Trọng H2 và chị Trần Thị Tuyết V1 trình bày: Nguồn gốc diện đất tranh chấp là của bà ngoại anh H2, cụ Trần Thị Đ để lại, anh chị đang quản lý, sử dụng. Khi cụ Đ lập di chúc để lại nhà, đất cho cháu Đàm Trần Gia T, là con trai của anh chị, bà H biết nên yêu cầu cụ Đ đưa cho bà mấy trăm triệu, nhưng cụ Đ không đưa nên bà H bỏ nhà đi. Bà H yêu cầu tuyên bố Di chúc do cụ Đ lập ngày 20-3-2018 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất diện tích 324,4 m², thửa số 261, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại K khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, anh chị không đồng ý.

Ông Trần Hùng N trình bày: Ngày 20-3-2018, Phòng C1 tỉnh Tây Ninh có chứng nhận Di chúc số 61 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD của cụ Trần Thị Đ, tại thời điểm ký di chúc cụ Đ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, có giấy khám sức khỏe đủ điều kiện lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép. Bà H khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc do Phòng Công chứng số 02 chứng nhận vô hiệu do Tòa án xem xét, quyết định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 609, 624, 625, 627, 630, 631, 633 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 157, 158, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Phúc H đối với bà Trần Thị H1 về yêu cầu tuyên bố Di chúc ngày 20-3-2018 vô hiệu và chia thừa kế phần đất có diện tích 324,4 m², thửa số 261, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại K, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 10-10-2023, bà Lâm Thị Phúc H kháng cáo cho rằng, bà bị bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, nhồi máu cơ tim, sống phụ thuộc vào sự chăm sóc, nuôi dưỡng của con gái. Ngày 20-3-2018, mẹ bà là cụ Trần Thị Đ lập di chúc để lại toàn bộ tài sản khi cụ qua đời cho cháu cô là Đàm Trần Gia T được hưởng. Bà yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bà được hưởng một phần di sản thừa kế theo khoản 1 Điều 644 của Bộ luật Dân sự, vì bà không có khả năng lao động.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà H, ông Phan Văn V tranh luận, cụ Đ có 02 người con, khi cụ chết bà H, bà H1 là hàng thừa kế duy nhất của cụ Đ. Cụ Đ có tài sản là nhà, đất tọa lạc tại khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, nhưng trước đó ngày 20-3-2018, cụ Đ lại lập di chúc toàn bộ tài sản này cho cháu T, trong khi bà H không được cụ Đ tặng cho phần nào tài sản để sinh sống. Hiện tại bà H bị bệnh không lao động được, sống nhờ vào người con gái chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H kháng cáo yêu cầu được hưởng 2/3 của suất thừa kế theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà Trần Thị H1 tranh luận, khi còn sống cụ Đ tự nguyện lập di chúc tặng cho toàn bộ tài sản nhà, đất của cụ cho cháu T; di chúc được công chứng đúng theo quy định của pháp luật; bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Cụ Trần Thị Đ có nhà và diện tích đất thửa số 261, tờ bản đồ số 26, diện tích thực tế 317,40 m², tọa lạc tại khu phố N, thị trấn G, huyện G; ngày 20-3-2018, cụ Đ lại lập di chúc toàn bộ tài sản cho cháu T; di chúc được lập thành văn bản, được công chứng theo quy định của pháp luật. Tài sản bà H tranh

chấp không có căn cứ là tài sản chung của cụ V2, cụ Đ. Bà H kháng cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét cho bà được hưởng 2/3 của suất thừa kế theo pháp luật, vì hiện nay bà già yếu là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị Phúc H kháng cáo đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trần Thị Đ, sinh năm 1930, chết ngày 08-11-2022; trước khi chết, ngày 20-3-2018, cụ cụ Đ lập di chúc để lại toàn bộ tài sản khi cụ qua đời cho cháu cố là Đàm Trần Gia T được hưởng. Căn cứ theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa đối với bất động sản là 30 năm. Ngày 21-11-2022, bà Lâm Thị Phúc H làm đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế tài sản về quyền sử dụng đất là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về hàng thừa kế: Theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, năm 1950 cụ Trần Thị Đ và cụ Lâm Quang V2 được đơn vị tại chiến khu B tổ chức lễ tuyên bố thành vợ, chồng; năm 1952 cụ Đ về quê sinh con là bà Lâm Thị Phúc H; năm 1954 cụ V2 tập kết ra B và hai người mất liên lạc với nhau. Năm 1963, cụ Đ chung sống với cụ Nguyễn Văn C và sinh bà Trần Thị H1; sau khi sinh con, cụ Đ biết cụ C đang có vợ nên chủ động cắt đứt mối quan hệ giữa hai người và cụ Đ sống với các con cho đến khi chết. Như vậy, bà H, bà H1 hàng thừa kế của cụ Đ theo quy định của pháp luật. Trong hồ sơ thể hiện, cụ Đ không có con riêng, con nuôi nào khác.

[4] Xét phần đất tranh chấp tại thửa số 261, tờ bản đồ số 26, diện tích 324,40 m², tọa lạc tại khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00758...QSĐĐ/353/2003/QĐ-CT(HL) ngày 19-10-2004 cho cụ Đ đứng tên có nguồn gốc của ông bà ngoại cụ Đ tặng cho sau khi cụ Đ không còn chung sống với cụ C. Khi được tặng cho đất, cụ Đ cất một căn nhà vách ván, mái tôn, diện tích 24 m² để sinh sống và được Sở Xây dựng tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất số 195/GD/CNSH ngày 04-11-1986, sau đó cụ Đ xây lại căn nhà kiên cố có 02 gian, 01 gian cụ sinh sống và bà Hậu sinh s gian còn lại. Như vậy, nhà đất tại thửa số 261, tờ bản đồ số 26, diện tích 324,40 m² là tài sản riêng của cụ Đ, không phải tài sản chung của cụ Đ, cụ V2, do đó bà H yêu cầu chia thừa kế phần di sản trên của cụ V2 cho bà là không có căn cứ; đối với di sản của cụ Đ bà

H yêu cầu chia theo quy định của pháp luật thấy rằng:

[4.1] Ngày 20-3-2018, tại Phòng C1 tỉnh Tây Ninh, cụ Trần Thị Đ lập Di chúc tặng cho cháu tên Đàm Trần Gia T sinh ngày 09-5-2006, là con anh Đàm Trọng H2 và chị Trần Thị Tuyết V1 (cháu nội bà Trần Thị H1) toàn bộ nhà, đất tại thửa số 261, tờ bản đồ số 26, diện tích 324,40 m² khi cụ chết. Do biết cụ Đ tặng cho toàn bộ tài sản cháu T, năm 2020 bà H làm đơn khởi kiện cụ Đ yêu cầu trích công sức đóng góp, tôn tạo và giữ gìn tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận nhà, đất là tài sản của cụ Đ nhưng bà có công sức giữ gìn, tôn tạo nên yêu cầu cụ Đ thanh toán số tiền 2.336.388.000 đồng, nhưng cả hai cấp sơ, phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà H.

[4.2] Trước khi lập di chúc, cụ Đ đến Trung tâm Y tế huyện G, tỉnh Tây Ninh để khám sức khỏe, tại Giấy khám sức khỏe ngày 22-01-2018 kết luận cụ Định tinh t tỉnh táo. Ngày 20-3-2018, cụ Đ lập di chúc tặng cho cháu T nhà, đất diện tích 324,40 m², tại thửa số 261, tờ bản đồ số 26, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00758...QSDĐ/353/2003/QĐ-CT(HL) ngày 19-10-2004 cho cụ Đ đứng tên, được Phòng Công chứng số 02 tỉnh Tây Ninh công chứng số 61 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20-3-2018 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[5] Từ năm 2020, bà H không còn sống chung với cụ Đ, ra ngoài sống với người con cho đến nay; hiện nay bà H bị bệnh không lao động được, nhưng có con là chị Lâm Thị G, sinh năm 1980 chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó bà H kháng cáo yêu cầu được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản...theo quy định tại khoản 1 Điều 644 của Bộ luật Dân sự là không có cơ sở. Bà H kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H là có căn cứ, được chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này, Phòng C tỉnh Tây Ninh được cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có văn bản yêu cầu cung cấp chứng cứ và ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của bà H. Ngày 30-8-2023, người đại diện theo pháp luật của Phòng C, ông Trần Hùng N cung cấp hồ sơ công chứng di chúc và có văn bản trả lời, nhưng trong phần nội dung vụ bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận ý kiến này là thiếu kiểm tra, xem xét; sai sót này cần rút kinh nghiệm.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản bà H phải chịu số tiền 3.241.000 đồng; ghi nhận bà H đã nộp xong.

[8] Về án phí dân sự: Bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 609, 624, khoản 1 Điều 625, 626, 627, 630, 631, 635 của Bộ luật Dân sự; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị Phúc H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Phúc H đối với bà Trần Thị H1 về yêu cầu tuyên bố Di chúc được Phòng Công chứng số 02 tỉnh Tây Ninh công chứng số 61 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20-3-2018 vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 324,40 m², thửa số 261, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại K, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Bà Lâm Thị Phúc H phải chịu 3.241.000 đồng (ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng); ghi nhận bà H đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Lâm Thị Phúc H được miễn.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Vũ